TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 03/01/2019
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Bích Vân**

2. Ông **Bùi Quang Việt**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Tăng Thị Hồng Thanh** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Thùy –** Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 444/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6149/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Hồ Thị Thu T**, sinh năm 1977

Địa chỉ: 23/2H3 đường A khu phố B, phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn*: Ông **Nguyen Tuan N**, sinh năm 1948

Địa chỉ: Briarton Drive Chantilly VA 20151 USA.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 08/9/2017 và bản tự khai ngày 13/10/2017, nguyên đơn bà Hồ Thị Thu T trình bày:

Bà và ông Nguyen Tuan N quen biết và tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2007, đến năm 2009 hai bên tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND Tp.HCM theo Giấy chứng nhận kết hôn số 614 ngày 24/2/2009.

Sau khi kết hôn, vợ chồng tiếp tục chung sống tại nhà của bà ở Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyen Tuan N làm thủ tuc bảo lãnh cho bà theo chồng sang Hoa Kỳ nhưng khi bà đi phỏng vấn không thành công. Ông N trở về Hoa Kỳ, còn bà ở Việt Nam, mỗi năm ông N về Việt Nam thăm vợ 01 tháng,

thời gian còn lại vợ chồng liên lạc với nhau bằng điện thoại. Thời gian vợ chồng hạnh phúc bình thường kéo dài đến tháng 8/2013. Sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã, ông N không về Việt Nam nữa. Dù vợ chồng và gia đình hai bên cố gắng hòa giải nhưng vẫn không khắc phục được. Từ đó, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Đến cuối năm 2013, vợ chồng cắt đứt mọi liên lạc, mạnh ai nấy sống, không còn sự quan tâm và trách nhiệm lẫn nhau. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục đời sống chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: không có

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Bị đơn ông Nguyen Tuan N cư trú ở Hoa Kỳ, Tòa án thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp, đã gửi Văn bản thông báo về việc thụ lý và xét xử vụ án dân sự sơ thẩm số 607/UTTPDS-TA30 ngày 16/11/2017. Theo nội dung tại Thông báo nêu trên thì thời gian mở phiên tòa lần 1 vào lúc 8g00 ngày 19/7/2018, thời gian mở phiên tòa lần 2 vào lúc 8g00 ngày 18/8/2018. Văn bản được Bộ Tư pháp gửi đến Công ty ABC Legal, Hoa Kỳ ngày 11/01/2018. Ngày 23/3/2018, Tòa án nhận được văn bản của Bộ Tư pháp thông báo Cơ quan có thẩm quyền của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ không thực hiện được ủy thác tư pháp nêu trên.

Ngày 05/7/2018, Tòa án có văn bản số 414/ TAND-CV thông báo cho ông Nguyen Tuan N về việc giải quyết ly hôn đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ. Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ thông báo kết quả đăng tải từ ngày 19/11/2018 (thời gian đăng tải 01 tháng). Đến khi mở phiên tòa, Tòa án không nhận được lời khai, tài liệu, chứng cứ của ông Nguyen Tuan N và ông cũng không có mặt tại phiên tòa.

Nguyên đơn bà Hồ Thị Thu T có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu và thủ tục tại phiên tòa .

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bà Hồ Thị Thu T được ly hôn ông Nguyen Tuan N. Về con chung: không có. Tài sản chung và nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn bà Hồ Thị Thu T đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; bị đơn ông Nguyen Tuan N cư trú tại Hoa Kỳ; giữa đôi bên có tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam theo quy định tại Điều 28; điểm a

khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 38; Điều 464; Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn bà Hồ Thị Thu T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyen Tuan N vắng mặt đến lần thứ hai. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

Bà Hồ Thị Thu T và ông Nguyen Tuan N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2007, nhưng có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn vào Sổ đăng ký kết hôn số 694, quyển số 03 ngày 25/02/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy hôn nhân giữa đôi bên là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Theo lời khai của bà Hồ Thị Thu T thì cuộc sống chung giữa vợ chồng hạnh phúc bình thường đến năm 2013 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm về mọi mặt, thường xảy ra cãi vã nên tình cảm lạnh nhạt dần, mâu thuẫn kéo dài dù gia đình và vợ chồng cố gắng hòa giải nhưng vẫn không khắc phục được. Từ tháng 8/2013 đến nay vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Bà T xác định không thể tiếp tục cuộc hôn nhân được nữa và có yêu cầu ly hôn

Xét, tình nghĩa vợ chồng phải xuất phát từ cả hai phía cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Thực tế vợ chồng đã không còn sống cùng nhau, không tạo được điều kiện hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn giữa vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng. Do đó, nếu tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân nói trên thì mục đích của hôn nhân cũng không thể đạt được. Xét, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà T.

Về con chung: bà T khai không có.

Về tài sản chung và nợ chung: bà T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có tranh chấp các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng nguyên đơn chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 2 Điều 38; Điều 464; Điều 469; Điều 474; Điều 477; Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Thu T;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Thu T được ly hôn ông Nguyen Tuan N.

Giấy chứng nhận kết hôn vào Sổ đăng ký kết hôn số 694, quyển số 03 ngày 25/02/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Bà T khai không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: bà T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có tranh chấp các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà Hồ Thị Thu T nộp tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, cấn trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà T đã nộp tại Biên lai thu số AA/2017/0047801 ngày 25/9/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, bà T đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn bà Hồ Thị Thu T và bị đơn ông Nguyen Tuan N; bà Hồ Thị Thu T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ, ông Nguyen Tuan N được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bích Vân **Bùi Quang Việt** **Trần Thị Nhung**

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.



TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Trần Thị Nhung